

(Thành lập tại nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2020



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THƯƠNG MẠI VÀ CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM

Villa số 03, số 02 bis Nguyễn Thị Minh Khai,
phường Đa Kao, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Giám đốc	02-03
Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ	04-05
Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính đã được soát xét	06-13

37
HI N
CÓN
NH
TO
ĐẤT
TẠI
GI

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THƯƠNG MẠI VÀ CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM

Villa số 03, số 02 bis Nguyễn Thị Minh Khai,
phường Đa Kao, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính của Công ty tại thời điểm 30 tháng 06 năm 2020.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thương mại và Công nghiệp Việt Nam được thành lập và hoạt động theo Giấy phép thành lập và hoạt động theo Giấy phép Thành lập và hoạt động kinh doanh Chứng khoán số 88/UBCK-GPHĐKD ngày 11 tháng 01 năm 2008, Giấy phép điều chỉnh số 242/UBCK-GP ngày 16/06/2009, Giấy phép điều chỉnh số 355/UBCK-GP ngày 11/10/2010, Giấy phép điều chỉnh số 22/GPĐC-UBCK ngày 30/03/2011, Giấy phép điều chỉnh số 93/GPĐC-UBCK ngày 07/06/2012, Giấy phép điều chỉnh số 42/GPĐC-UBCK ngày 30/09/2013 và Quyết định số 133/QĐ-UBCK ngày 21 tháng 02 năm 2019 của Ủy ban chứng khoán Nhà Nước cấp.

Trụ sở của Công ty tại: Villa số 03, số 02 bis Nguyễn Thị Minh Khai, phường Đa Kao, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Xuân Biều	Chủ tịch
Ông Tô Thành Vinh	Phó Chủ tịch
Ông Nguyễn Xuân Sanh	Ủy viên

Các thành viên của Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Xuân Biều	Tổng Giám đốc
Ông Tô Thành Vinh	Phó Tổng Giám đốc

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà Nguyễn Thị Hoa Huệ	Trưởng ban
Bà Dương Thị Trinh	Ủy viên
Bà Hồ Thị Hiền	Ủy viên

KIỂM TOÁN VIÊN

Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán - Tư vấn Đất Việt tại Hà Nội đã thực hiện soát xét Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính cho Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THƯƠNG MẠI VÀ CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM

Villa số 03, số 02 bis Nguyễn Thị Minh Khai,
phường Đa Kao, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng hệ thống thông tin và hệ thống kiểm soát nội bộ được xây dựng và duy trì để đảm bảo tỷ lệ an toàn tài chính được phản ánh trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào theo những yêu cầu của Thông tư số 87/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 08 năm 2017 của Bộ Tài chính quy định chỉ tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với các tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng các chỉ tiêu an toàn tài chính.

Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ những yêu cầu của Thông tư số 87/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 08 năm 2017 của Bộ Tài chính quy định chỉ tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với các tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng các chỉ tiêu an toàn tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tại ngày 30 tháng 06 năm 2020.

Cam kết khác

Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017 hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Giám đốc



Nguyễn Xuân Biều

Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 08 năm 2020

Số: 0808 /2020/BCSX-KTV/HN

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Chứng khoán Thương mại và Công nghiệp Việt Nam**

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tại thời điểm 30 tháng 06 năm 2020 kèm theo của Công ty Cổ phần Chứng khoán Thương mại và Công nghiệp Việt Nam được lập ngày 14 tháng 08 năm 2020, từ trang 06 đến trang 13, đã được Ban Giám đốc của Công ty Cổ phần Chứng khoán Thương mại và Công nghiệp Việt Nam lập theo các quy định về lập và trình bày báo cáo tại Thông tư số 87/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 08 năm 2017 của Bộ Tài chính quy định chỉ tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với các tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng các chỉ tiêu an toàn tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính của Công ty theo các quy định pháp lý về lập và trình bày báo cáo tại Thông tư số 87/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 08 năm 2017 của Bộ Tài chính quy định chỉ tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với các tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng các chỉ tiêu an toàn tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tại ngày 30 tháng 06 năm 2020 dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 – Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính của Công ty Cổ phần Chứng khoán Thương mại và Công nghiệp Việt Nam tại thời điểm 30 tháng 06 năm 2020 đã được lập trên các khía cạnh trọng yếu không tuân thủ theo các quy định về lập và trình bày báo cáo tại Thông tư số 87/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 08 năm 2017 của Bộ Tài chính quy định chỉ tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với các tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng các chỉ tiêu an toàn tài chính.

Chính sách kế toán

Không phù nhận ý kiến nêu trên, chúng tôi lưu ý người đọc rằng Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính này được lập để giúp Công ty Cổ phần Chứng khoán Thương mại và Công nghiệp Việt Nam đáp ứng các yêu cầu của cơ quan quản lý Nhà nước. Vì thế, Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính này có thể không phù hợp để sử dụng cho mục đích khác.

Vấn đề khác

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thương mại và Công nghiệp Việt Nam đã lập một bộ Báo cáo tài chính Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2020 theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chúng tôi đã phát hành báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ về báo cáo tài chính đó cho Công ty Cổ phần Chứng khoán Thương mại và Công nghiệp Việt Nam vào ngày 14 tháng 08 năm 2020.

Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán - Tư vấn Đất Việt tại Hà Nội



NGUYỄN THÀNH NAM

Phó Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 3528-2016-037-1

Hà Nội, ngày 14 tháng 08 năm 2020

Số:

V/v: Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

Tại thời điểm 30 tháng 06 năm 2020

Chúng tôi cam đoan rằng:

- (1) Báo cáo được xây dựng trên cơ sở số liệu được cập nhật tại ngày lập báo cáo theo đúng quy định tại Thông tư số 87/2017/TT-BTC ngày 15/8/2017 của Bộ Tài chính quy định chi tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với các tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng các chỉ tiêu an toàn tài chính;
- (2) Đối với những vấn đề có thể ảnh hưởng đến tình hình tài chính của Công ty phát sinh sau ngày lập báo cáo này, chúng tôi cập nhật trong kỳ báo cáo tiếp theo;
- (3) Chúng tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác và trung thực của nội dung báo cáo.



Vũ Huyền Trâm
Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Hoa Huệ
Trưởng bộ phận Kiểm soát nội bộ



Nguyễn Xuân Biểu
Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 08 năm 2020

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THƯƠNG MẠI VÀ CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM

Villa số 03, số 02 bis Nguyễn Thị Minh Khai,
phường Đa Kao, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính
Tại thời điểm 30 tháng 06 năm 2020

BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

Tại thời điểm 30 tháng 06 năm 2020

I. BẢNG TÍNH VỐN KHẢ DỤNG

STT	NỘI DUNG	VỐN KHẢ DỤNG		
		Vốn khả dụng	Khoản giảm trừ	Khoản tăng thêm
A	NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	(1)	(2)	(3)
1	Vốn góp của chủ sở hữu không bao gồm cổ phần ưu đãi hoàn lại (nếu có)	341.333.000.000		
2	Thặng dư vốn cổ phần không bao gồm cổ phần ưu đãi hoàn lại (nếu có)	14.625.850.000		
3	Cổ phiếu quỹ	-		
4	Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu - Cấu phần vốn	-		
5	Vốn khác của chủ sở hữu	-		
6	Chênh lệch đánh giá tài sản theo giá trị hợp lý	-		
7	Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	1.813.981.917		
8	Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ	1.813.981.917		
9	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	-		
10	Lợi nhuận chưa phân phối	(166.231.119.387)		
11	Số dư dự phòng suy giảm giá trị tài sản	26.941.921.430		
12	Chênh lệch đánh giá lại tài sản cố định	-		
13	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-		
14	Các khoản nợ có thể chuyển đổi			-
15	Toàn bộ phần giảm đi hoặc tăng thêm của các chứng khoán tại chỉ tiêu đầu tư tài chính		-	-
16	Vốn khác (nếu có)	-		
1A	Tổng			220.297.615.877
B	Tài sản ngắn hạn			
I	Tài sản tài chính			
1	Tiền và các khoản tương đương tiền			
2	Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)			
	- Chứng khoán tiềm ẩn rủi ro thị trường			
	- Chứng khoán bị giảm trừ khỏi vốn khả dụng		-	
3	Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)			
	- Chứng khoán tiềm ẩn rủi ro thị trường			
	- Chứng khoán bị giảm trừ khỏi vốn khả dụng		-	
4	Các khoản cho vay			
5	Tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS)			
	- Chứng khoán tiềm ẩn rủi ro thị trường			
	- Chứng khoán bị giảm trừ khỏi vốn khả dụng		-	
6	Dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính và tài sản thế chấp			
	Các khoản phải thu (Phải thu bán các tài sản tài chính; Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi từ các tài sản tài chính)			

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THƯƠNG MẠI VÀ CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM

Villa số 03, số 02 bis Nguyễn Thị Minh Khai,
phường Đa Kao, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính
Tại thời điểm 30 tháng 06 năm 2020

BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

Tại thời điểm 30 tháng 06 năm 2020

I. BẢNG TÍNH VỐN KHẢ DỤNG

STT	NỘI DUNG	VỐN KHẢ DỤNG		
		Vốn khả dụng	Khoản giảm trừ	Khoản tăng thêm
7	- Các khoản phải thu có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống			
	- Các khoản phải thu có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày			-
8	Chứng quyền có bảo đảm chưa phát hành hết			
9	Chứng khoán cơ sở phục vụ mục đích phòng ngừa rủi ro khi phát hành chứng quyền có bảo đảm			-
10	Phải thu các dịch vụ công ty chứng khoán cung cấp			
	- Các khoản phải thu có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống			
	- Các khoản phải thu có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày		21.235.432.762	
11	Phải thu nội bộ ngắn hạn			
	- Phải thu nội bộ có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống			
	- Phải thu nội bộ có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày			-
12	Phải thu về lỗi giao dịch chứng khoán			
	- Các khoản phải thu có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống			
	- Các khoản phải thu có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày			-
13	Các khoản phải thu khác			
	- Phải thu khác có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống			
	- Phải thu khác có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày		5.706.488.668	
14	Dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu			
15	Trả trước cho người bán		1.243.536.674	
II	Tài sản ngắn hạn khác			-
1	Tạm ứng			
	- Tạm ứng có thời hạn hoàn ứng còn lại từ 90 ngày trở xuống			
	- Tạm ứng có thời hạn hoàn ứng còn lại trên 90 ngày			-
2	Vật tư văn phòng, công cụ dụng cụ			-
3	Chi phí trả trước ngắn hạn			-
4	Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược ngắn hạn		110.000.000.000	
5	Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ			-
6	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước			-
7	Tài sản ngắn hạn khác			-
8	Dự phòng suy giảm giá trị tài sản ngắn hạn khác			

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THƯƠNG MẠI VÀ CÔNG NGHIỆP VIỆT NAMVilla số 03, số 02 bis Nguyễn Thị Minh Khai,
phường Đa Kao, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh**Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính**
Tại thời điểm 30 tháng 06 năm 2020**BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH**

Tại thời điểm 30 tháng 06 năm 2020

I. BẢNG TÍNH VỐN KHẢ DỤNG

STT	NỘI DUNG	VỐN KHẢ DỤNG		
		Vốn khả dụng	Khoản giảm trừ	Khoản tăng thêm
1B	Tổng			138.185.458.104
C	Tài sản dài hạn			
I	Tài sản tài chính dài hạn			
1	Các khoản phải thu dài hạn		-	
2	Các khoản đầu tư			
	Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn			
2.1	- Chứng khoán tiềm ẩn rủi ro thị trường			
	- Chứng khoán bị giảm trừ khỏi vốn khả dụng		-	
2.2	Đầu tư vào công ty con		-	
2.3	Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		-	
2.4	Đầu tư dài hạn khác		-	
II	Tài sản cố định		2.192.602.770	
III	Bất động sản đầu tư		-	
IV	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		-	
V	Tài sản dài hạn khác			
1	Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược dài hạn		644.928.240	
2	Chi phí trả trước dài hạn		254.707.806	
3	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại		-	
4	Tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán		4.964.214.911	
5	Tài sản dài hạn khác		-	
VI	Dự phòng suy giảm giá trị tài sản dài hạn			
	Các chỉ tiêu tài sản bị coi là khoản ngoại trừ, có ý kiến trái ngược hoặc từ chối đưa ra ý kiến tại báo cáo tài chính đã được kiểm toán, soát xét mà không bị tính giảm trừ theo quy định tại Điều 5		-	
1C	Tổng			8.056.453.727
D	Tài sản ký quỹ đảm bảo			
1	Giá trị ký quỹ			
	Giá trị đóng góp vào quỹ hỗ trợ thanh toán của Trung tâm Lưu ký chứng khoán (đối với thị trường chứng khoán phái sinh)		-	
1.1				
	Giá trị đóng góp vào quỹ bù trừ của đối tác thanh toán trung tâm đối với vị thế mở của chính thành viên bù trừ (đối với thị trường chứng khoán phái sinh)		-	
1.2				
	Khoản ký quỹ bằng tiền và giá trị bảo lãnh thanh toán của ngân hàng khi phát hành chứng quyền có bảo đảm		-	
1.3				
2	Giá trị tài sản bảo đảm cho các nghĩa vụ phải trả có thời hạn còn lại trên 90 ngày		-	
1D	Tổng			-
VỐN KHẢ DỤNG = 1A-1B-1C-1D				74.055.704.046

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THƯƠNG MẠI VÀ CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM

Villa số 03, số 02 bis Nguyễn Thị Minh Khai,
phường Đa Kao, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính
Tại thời điểm 30 tháng 06 năm 2020

BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

Tại thời điểm 30 tháng 06 năm 2020

II. BẢNG TÍNH GIÁ TRỊ RỦI RO

A RỦI RO THỊ TRƯỜNG			
Các hạng mục đầu tư		Hệ số rủi ro	Quy mô rủi ro
		(1)	(2)
		Giá trị rủi ro	
		(3) = (1) x (2)	
I	Tiền và các khoản tương đương tiền, công cụ thị trường tiền tệ		-
1	Tiền mặt (VND)	0%	368.822.476
2	Các khoản tương đương tiền	0%	-
3	Giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng trên thị trường tiền tệ, chứng chỉ tiền gửi	0%	-
II	Trái phiếu chính phủ		-
4	Trái phiếu Chính phủ không trả lãi	0%	-
5	Trái phiếu Chính phủ trả lãi suất cố định		
5.1	Trái phiếu Chính phủ (bao gồm công trái và trái phiếu công trình đã phát hành trước đây), Trái phiếu Chính phủ các nước thuộc khối OECD hoặc được bảo lãnh bởi Chính phủ hoặc Ngân hàng Trung ương của các nước thuộc khối này, Trái phiếu được phát hành bởi các tổ chức quốc tế IBRD, ADB, IADB, AFDB, EIB và EBRD	3%	-
III	Trái phiếu doanh nghiệp		-
6	Trái phiếu niêm yết có thời gian đáo hạn còn lại dưới 1 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	8%	-
	Trái phiếu niêm yết có thời gian đáo hạn còn lại từ 1 đến dưới 3 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	10%	-
	Trái phiếu niêm yết có thời gian đáo hạn còn lại từ 3 đến dưới 5 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	15%	-
	Trái phiếu niêm yết có thời gian đáo hạn còn lại từ 5 năm trở lên, kể cả trái phiếu chuyển đổi	20%	-
7	Trái phiếu không niêm yết có thời gian đáo hạn còn lại dưới 1 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	25%	-
	Trái phiếu không niêm yết có thời gian đáo hạn còn lại từ 1 đến dưới 3 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	30%	-
	Trái phiếu không niêm yết có thời gian đáo hạn còn lại từ 3 đến dưới 5 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	35%	-
	Trái phiếu không niêm yết có thời gian đáo hạn còn lại từ 5 năm trở lên, kể cả trái phiếu chuyển đổi	40%	-
IV	Cổ phiếu		-
8	Cổ phiếu phổ thông, cổ phiếu ưu đãi của các tổ chức niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hồ Chí Minh; chứng chỉ quỹ mở	10%	-
9	Cổ phiếu phổ thông, cổ phiếu ưu đãi của các tổ chức niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội	15%	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THƯƠNG MẠI VÀ CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM

Villa số 03, số 02 bis Nguyễn Thị Minh Khai,
phường Đa Kao, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính
Tại thời điểm 30 tháng 06 năm 2020

BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

Tại thời điểm 30 tháng 06 năm 2020

II. BẢNG TÍNH GIÁ TRỊ RỦI RO

A RỦI RO THỊ TRƯỜNG				
		Hệ số rủi ro	Quy mô rủi ro	Giá trị rủi ro
Các hạng mục đầu tư		(1)	(2)	(3) = (1) x (2)
10	Cổ phiếu phổ thông, cổ phiếu ưu đãi các công ty đại chúng chưa niêm yết, đăng ký giao dịch qua hệ thống UpCom	20%	-	-
11	Cổ phiếu phổ thông, cổ phiếu ưu đãi của các công ty đại chúng đã đăng ký lưu ký, nhưng chưa niêm yết hoặc đăng ký giao dịch; cổ phiếu đang trong đợt phát hành lần đầu (IPO)	30%	-	-
12	Cổ phiếu của các công ty đại chúng khác	50%	-	-
V Chứng chỉ quỹ đầu tư chứng khoán				-
13	Quỹ đại chúng, bao gồm cả công ty đầu tư chứng khoán đại chúng	10%	-	-
14	Quỹ thành viên, công ty đầu tư chứng khoán riêng lẻ	30%	-	-
VI Chứng khoán bị hạn chế giao dịch				-
15	Chứng khoán bị tạm ngừng giao dịch	40%	-	-
16	Chứng khoán bị hủy niêm yết, hủy giao dịch	50%	-	-
VI Chứng khoán phái sinh				-
17	Hợp đồng tương lai chỉ số cổ phiếu	8%	-	-
18	Hợp đồng tương lai trái phiếu chính phủ	3%	-	-
VII Chứng khoán khác				24.717.968.000
19	Cổ phần, phần vốn góp và các loại chứng khoán khác	80%	30.897.460.000	24.717.968.000
20	Cổ phiếu niêm yết trên các thị trường nước ngoài thuộc chỉ số đạt chuẩn	25%	-	-
21	Cổ phiếu niêm yết trên các thị trường nước ngoài không thuộc các chỉ số đạt chuẩn	100%	-	-
22	Chứng quyền có bảo đảm niêm yết trên Sở giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh	8%	-	-
23	Chứng quyền có bảo đảm niêm yết trên Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội	10%	-	-
24	Chứng quyền có bảo đảm do công ty chứng khoán phát hành		-	-
25	Chứng khoán hình thành từ hoạt động phòng ngừa rủi ro cho chứng quyền có bảo đảm do công ty chứng khoán đã phát hành (trường hợp chứng quyền có bảo đảm không có lãi)		-	-
26	Phân chênh lệch giữa giá trị chứng khoán cơ sở dùng để phòng ngừa rủi ro và giá trị chứng khoán cơ sở cần thiết để phòng ngừa rủi ro cho chứng quyền có bảo đảm		-	-
I Rủi ro tăng thêm (nếu có) (được xác định trên cơ sở vốn chủ sở hữu đã trích lập đầy đủ các khoản dự phòng)				-
A TỔNG GIÁ TRỊ RỦI RO THỊ TRƯỜNG (A= I+II+III+IV+V+VI+VII+VIII)				24.717.968.000

BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

Tại thời điểm 30 tháng 06 năm 2020

I. BẢNG TÍNH GIÁ TRỊ RỦI RO

B	RỦI RO THANH TOÁN						
Loại hình giao dịch	Giá trị rủi ro (VND)						Tổng giá trị rủi ro
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	
I	Rủi ro trước thời hạn thanh toán						
1	Tiền gửi có kỳ hạn, các khoản tiền cho vay không có tài sản bảo đảm và các khoản phải thu từ hoạt động giao dịch và nghiệp vụ kinh doanh chứng khoán và các khoản mục tiềm ẩn rủi ro thanh toán khác	-	-	-	-	1.660.999.857	1.660.999.857
2	Cho vay tài sản tài chính/Các thỏa thuận kinh tế có cùng bản chất	-	-	-	-	-	-
3	Vay tài sản tài chính/Các thỏa thuận kinh tế có cùng bản chất	-	-	-	-	-	-
4	Hợp đồng mua tài sản tài chính có cam kết bán lại/Các thỏa thuận kinh tế có cùng bản chất	-	-	-	-	-	-
5	Hợp đồng bán tài sản tài chính có cam kết mua lại/Các thỏa thuận kinh tế có cùng bản chất	-	-	-	-	-	-
III	Rủi ro quá thời hạn thanh toán						
Thời gian quá hạn							Hệ số rủi ro
1	Từ 0 đến 15 ngày sau thời hạn thanh toán, chuyển giao chứng khoán						16%
2	Từ 16 đến 30 ngày sau thời hạn thanh toán, chuyển giao chứng khoán						32%
3	Từ 31 đến 60 ngày sau thời hạn thanh toán, chuyển giao chứng khoán						48%
4	Từ 60 ngày trở lên sau thời hạn thanh toán, chuyển giao chứng khoán						100%
III	Rủi ro tăng thêm (nếu có)						
TT	Chi tiết từng khoản vay, tới từng đối tác						Hệ số rủi ro
2	Phải thu hợp đồng hợp tác kinh doanh với Công ty CP Vàng Lộc Xuân						20%
TỔNG GIÁ TRỊ RỦI RO THANH TOÁN (B=I+II+III)							Quy mô rủi ro
							278.267.552
							Giá trị rủi ro
							278.267.552
							1.939.267.409

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THƯƠNG MẠI VÀ CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM

Villa số 03, số 02 bis Nguyễn Thị Minh Khai,
phường Đa Kao, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính
Tại thời điểm 30 tháng 06 năm 2020

BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

Tại thời điểm 30 tháng 06 năm 2020

(tiếp theo)

II. BẢNG TÍNH GIÁ TRỊ RỦI RO

C	RỦI RO HOẠT ĐỘNG (TÍNH TRONG VÒNG 12 THÁNG)	Giá trị rủi ro
I	Tổng chi phí hoạt động phát sinh trong vòng 12 tháng	9.532.518.736
II	Các khoản giảm trừ khỏi tổng chi phí	(765.481.384)
	1. Chi phí khấu hao	626.277.816
	2. Chi phí/Hoàn nhập dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính và tài sản thế chấp	-
	3. Chi phí/Hoàn nhập dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính dài hạn	-
	4. Chi phí/Hoàn nhập dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu	(1.391.759.200)
	5. Chi phí/Hoàn nhập dự phòng suy giảm giá trị tài sản ngắn hạn khác	-
	6. Chi phí/Hoàn nhập dự phòng suy giảm giá trị tài sản dài hạn	-
III	Tổng chi phí sau khi giảm trừ (III = I - II)	10.298.000.120
IV	25% Tổng chi phí sau khi giảm trừ (IV = 25% III)	2.574.500.030
V	20% Vốn pháp định của tổ chức kinh doanh chứng khoán	17.000.000.000
C	TỔNG GIÁ TRỊ RỦI RO HOẠT ĐỘNG (C=Max {IV, V})	17.000.000.000
D	TỔNG GIÁ TRỊ RỦI RO (A+B+C)	43.657.235.409

III. BẢNG TỔNG HỢP CÁC CHỈ TIÊU RỦI RO VÀ VỐN KHẢ DỤNG

STT	Các chỉ tiêu	Giá trị rủi ro/vốn khả dụng	Ghi chú (nếu có)
1	Tổng giá trị rủi ro thị trường	24.717.968.000	
2	Tổng giá trị rủi ro thanh toán	1.939.267.409	
3	Tổng giá trị rủi ro hoạt động	17.000.000.000	
4	Tổng giá trị rủi ro (4=1+2+3)	43.657.235.409	
5	Vốn khả dụng	74.055.704.046	
6	Tỷ lệ Vốn khả dụng (6=5/4)	169,63%	


Vũ Huyền Trâm
Kế toán trưởng


Nguyễn Thị Hoa Huệ
Trưởng bộ phận Kiểm soát nội bộ



Nguyễn Xuân Biều
Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 08 năm 2020